TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2018/DS-ST
Ngày 02-02-2018
V/v Tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Số AA đường T nối dài, khóm D, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu: Tạm trú: Số BB, đường T nối dài, khóm D, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số CC, đường B, khóm E, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Dương Thành Q,** sinh năm 1960; Địa chỉ: Số CC, đường B, khóm E, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H, bà N có mặt, ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và bà Nguyễn Thanh N có quen biết nên vào ngày 12/01/2016, bà N có hỏi vay của chị 80.000.000 đồng và chị đồng ý cho bà N vay tiền. Mục đích bà N vay tiền làm gì thì chị không biết, bà N và chị có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng, khi nào chị muốn lấy lại tiền gốc thì sẽ thông báo trước cho bà N 01 tháng. Sau khi vay tiền bà N đóng lãi được 05 tháng, đến ngày 12/6/2016 bà N đóng lãi lần cuối, tổng số tiền đóng lãi là 12.000.000 đồng

(80.000.000 đồng x 5 tháng x 3%/tháng). Từ ngày 13/6/2016, bà N không đóng lãi cho chị nữa. Khi vay tiền chị và bà N chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói, không có lập văn bản và cũng không có ai chứng kiến. Nay do bà N không trả tiền gốc và cũng không đóng tiền lãi cho chị nên chị khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh N và ông Dương Thành Q là chồng bà N cùng có trách nhiệm trả nợ chung cho chị số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 1,125%/tháng cụ thể: 80.000.000 đồng x 19 tháng 21 ngày (19,7 tháng) x 1,125%/tháng = 17.730.000 đồng.

Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thanh N trình bày: Bà và có vay tiền của chị Nguyễn Thị H nhiều lần, tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng. Cụ thể lần thứ nhất ngày 03/3/2014 (âm lịch) vay 30.000.000 đồng; lần thứ 2 ngày 12/8/2014 (âm lịch) vay 10.00.000 đồng; lần thứ ba 12/9/2014 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng; lần thứ 4 ngày 25/10/2014 (âm lịch) vay 20.000.000 đồng. Các lần vay bà và chị H thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng, tiền lãi đóng hàng tháng; mục đích bà vay tiền của chị H là để chơi hụi riêng, sau đó bà bị người khác giật tiền hụi nên không có khả năng thanh toán cho chị H. Thời gian đầu vay tiền, bà đóng lãi cho chị H đầy đủ, mỗi tháng đều đóng lãi theo lãi suất 3%/tháng, đến tháng 11/2016 bà không đóng lãi cho chị H nữa. Sau tháng 11/2016, chị H có đến yêu cầu bà trả tiền, bà có đưa cho chị H nhiều lần, có lần 700.000 đồng, có lần 1.000.000 đồng. Khi bà trả tiền lãi cho chị H thì ông Q không biết. Việc bà vay tiền và trả tiền lãi cho chị H thì hai bên không có lập văn bản và cũng không có ai chứng kiến. Khi bà vay tiền của chị H thì chồng bà là ông Dương Thành Q đi làm ở ĐH và ở HP đến ngày thứ 7, chủ nhật mỗi tuần mới về nhà nên ông Q không biết bà nợ tiền chị H, đến khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà mới nói cho ông Q biết. Tổng số tiền bà đóng lãi cho chị H là bao nhiêu bà H không nhớ nhưng bà đồng ý trả cho chị H số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của số tiền 80.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2016 theo mức lãi suất pháp luật quy định nhưng đối trừ số tiền lãi bà đã đóng vượt quá lãi theo quy định pháp luật vào tiền lãi còn nợ chị H.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Thành Q trình bày: Ông hoàn toàn không biết vợ ông là bà Nguyễn Thanh N có vay tiền của chị Nguyễn Thị H do ông thường xuyên đi làm tại huyện ĐH, thị xã G không có ở nhà. Tiền lương của ông ông đều đưa cho bà N sử dụng chi tiêu trong gia đình, còn các con ông đều trên 18 tuổi, gia đình ông sử dụng lương của ông đã đủ chi tiêu nên không cần phải vay mượn thêm. Ông không sử dụng tiền của bà N vay chị H nên ông không đồng ý trả số tiền cho chị H.

Tại phiên tòa chị H, bà N giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Dương Thành Q là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Giao dịch giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thanh N là giao dịch vay tài sản được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng quy định. Bà Nguyễn Thanh N thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về tiền nợ vay.

Về tiền lãi, chị H thừa nhận bà Nguyễn Thanh N đã đóng lãi cho chị 5 tháng, theo lãi suất 3%/tháng với số tiền là 12.000.000 đồng. Lãi suất 3%/tháng vượt quá lãi suất quy định của pháp luật nên đề nghị đối trừ số tiền này vào tiền nợ lãi bà N còn thiếu.

Đối với ông Dương Thành Q, do ông Q không thừa nhận nợ tiền chị Nguyễn Thị H, chị H cũng không có chứng cứ chứng minh ông Q sử dụng khoản tiền vay và cũng không biết bà N vay tiền để sử dụng vào mục đích gì, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thanh N có nơi cư trú tại khóm E, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Q.

[2]Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh N và ông Dương Thành Q trả số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo lãi suất 1,125%%/tháng là 17.730.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thấy rằng, giao dịch vay tiền giữa chị H và bà N là hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập thành văn bản và cũng không có ai chứng kiến nhưng bà N thừa nhận có nợ chị H số tiền 80.000.000 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà N phải trả cho chị H số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng.

Về lãi suất: Chị H và bà N đều thống nhất lãi suất vay tiền là 3%/tháng, tuy nhiên không thống nhất về thời gian vay tiền cũng như không thống nhất về số tiền lãi đã đóng. Chị H xác định thời gian cho bà N vay tiền là ngày 12/01/2016, tiền lãi bà N đã đóng là 12.000.000 đồng, còn bà N xác định vay tiền của chị H 04 lần, thời gian vay từ tháng 3/2014 (âm lịch) đến tháng 10/2014 (âm lịch) và không biết chính xác số tiền đã đóng lãi cho chị H là bao nhiêu. Xét thấy, lãi suất thỏa thuận của các bên vượt quá quy định của pháp luật nhưng không có tranh chấp về lãi suất, chị H và bà N cũng đồng ý điều chỉnh lại tiền lãi theo quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, điều chỉnh lại lãi xuất là 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm vay là 9%/năm x 150% = 13,5%/năm; Về thời gian vay tiền, do chị H và bà N thực hiện giao dịch vay tiền chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói, không có lập thành văn bản và cũng không có ai chứng kiến nên xác định thời gian vay tiền theo hướng có lợi cho bị đơn là tháng 01/2016; Về số tiền lãi đã đóng giữa chị H và bà N cũng không thống nhất và cũng không ai có chứng cứ chứng minh, tuy nhiên nghĩa vụ chứng minh số tiền lãi đã đóng là của bị đơn, bị đơn không chứng minh được nên chấp nhận số tiền lãi đã đóng theo sự thừa nhận của nguyên đơn là 12.000.000 đồng.

Như đã nhận định trên, chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thanh N trả tiền lãi cho chị H từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất của pháp luật quy định là 1,125%/tháng với số tiền là 80.000.000 đồng x 19 tháng 21 ngày (19,7 tháng) x 1,125%/tháng = 17.730.000 đồng; Số tiền lãi bà N đã đóng cho chị H vượt quá là 12.000.000 đồng – (80.000.000 đồng x 5 tháng x 1,125%/tháng = 7.500.000 đồng. Chị H không đồng ý đối trừ khoản tiền lãi đã đóng theo lãi suất quy định nhà nước, còn bà N yêu cầu đối trừ khoản tiền này vào tiền lãi còn nợ. Xét thấy, lãi suất cho vay 3%/tháng mà chị H và bà N thỏa thuận đã vượt quá quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh N đối trừ số tiền lãi đã bà N đã đóng vượt vào tiền lãi bà N còn phải đóng cho chị H. Bà

Nguyễn Thanh N phải trả tiếp số tiền lãi cho chị H là 17.730.000 đồng -7.500.000 đồng = 10.230.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu ông Dương Thành Q có trách nhiệm trả nợ chung với bà Nguyễn Thanh N: Ông Dương Thành Q không thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị H, chị H không có chứng cứ chứng minh ông Q có vay tiền; bà N xác định ông Q không biết việc vay tiền giữa bà và chị H do bà vay tiền là để bà chơi hụi riêng, chưa thu được tiền thì bà bị giật hụi, tiền vay bà không sử dụng vào nhu cầu của gia đình nên bà không cho ông Q biết, việc này cũng phù hợp với lời khai của chị H tại phiên tòa. Chị H xác định khi giao nhận tiền đóng lãi chỉ có chị và bà N trực tiếp giao dịch với nhau, ông Q không có mặt; những lần ông Q ở nhà thì chị có đến lấy tiền lãi nhưng chị không nói cho ông Q biết. Bên cạnh đó, ông Dương Thành Q xác định đã đưa toàn bộ thu nhập là lương của ông Q cho bà N chi tiêu trong gia đình nên không cần vay mượn thêm bên ngoài. Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 "*Nghĩa vụ do một bên xác lập thực hiện không vì nhu cầu của gia đình*" là nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ chồng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H với ông Dương Thành Q.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ vay và lãi là 90.230.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 90.230.000 đồng x 5% = 4.511.500 đồng; Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là: (17.730.000 đồng – 10.230.000 đồng) x 5% = 375.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007818 ngày 03/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, chị H được hoàn lại 1.625.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471; 474; 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thanh N.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với ông Dương Thành Q.

2. Buộc bà Nguyễn Thanh N trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 90.230.000 đồng (*Chín mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng và nợ lãi 10.230.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.511.500 đồng (*Bốn triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm đồng*). Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007818 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, chị H được hoàn lại 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Tuyết Anh